

# **MỘT SỐ DẪN LIỆU MỚI VỀ THÀNH PHẦN LOÀI ẾCH NHÁI (AMPHIBIA) VÀ BÒ SÁT (REPTILIA) CỦA VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ, TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ**

**HỒ THU CÚC**

*Viện Sinh thái Tài nguyên Sinh vật, Viện KHCN Việt Nam*

**NIKOLAI ORLOV**

*Viện Động vật Xanh Petecbua, Nga*

Vườn Quốc gia (VQG) Bạch Mã (tọa độ 16°05'-16°15' Bắc, 107°43'-107°53' Đông) nằm ở phần cuối của dãy Trường Sơn Bắc, có nhiều dãy núi với các đỉnh cao trên 1.000 m (đỉnh cao nhất là Bạch Mã 1.450 m) chạy ngang theo hướng Tây sang Đông và thấp dần ra biển. Địa hình rất dốc (từ 15-45°), phía Bắc và Đông Bắc trên 45°, phía Tây và Tây Nam ít dốc hơn. Mùa mưa từ tháng 9-12, lượng mưa trung bình 3.000 mm, nhiệt độ trung bình dưới 20°C, độ ẩm trung bình 90%. Mùa khô từ tháng 3-8 với nhiệt độ trung bình 25°C và độ ẩm từ 70-80%. Bạch Mã nằm trong vùng có lượng mưa lớn, rừng còn tương đối nguyên vẹn nên nguồn nước khá dồi dào. Thảm thực vật ở đây là rừng kín thường xanh mưa mùa á nhiệt đới ở độ cao trên 900 m bao quanh các đỉnh núi và rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới ở độ cao dưới 900 m.

Khu vực này từ lâu đã nổi tiếng với hệ động, thực vật rất độc đáo, nó là vùng chuyển tiếp giữa hệ động và thực vật phía Bắc và Nam (Thái Văn Trường, 1970; Đặng Huy Huỳnh, 1986). Chính nét độc đáo đó đã lôi cuốn không ít khách du lịch và đặc biệt là các nhà khoa học. Có lẽ công trình của Ngô Đắc Chứng (1995) (với 19 loài ếch nhái và 30 loài bò sát) là đầy đủ nhất về nhóm động vật này ở Bạch Mã. Tuy nhiên, cũng gần 10 năm nay chưa có thêm công bố nào mới về thành phần loài ếch nhái và bò sát (ENBS) cho khu vực này.

Trong khuôn khổ chương trình hợp tác quốc tế của Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật (Viện STTNSV) với Viện Động vật Xanh Petecbua, Nga (ZISP), chúng tôi đã tiến hành một đợt khảo sát về các loài ếch nhái, bò sát khu vực này. Hy vọng những dẫn liệu mới về thành phần loài ENBS dưới đây sẽ bổ sung thêm cơ sở khoa học cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học các loài động vật có xương sống nói chung và riêng nhóm ENBS nói riêng tại VQG Bạch Mã.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đợt nghiên cứu được tiến hành từ ngày 4 đến ngày 14 tháng 10 năm 2003 tại VQG Bạch Mã. Các tuyến nghiên cứu dựa chủ yếu theo các tuyến du lịch của VQG Bạch Mã, tuyến 1 đường mòn Trĩ Sao - 3 km (độ cao < 500 m); tuyến 2 đường mòn đi thác Đỗ Quyên - 1,5 km (độ cao 1.000 m); tuyến 3 đường mòn Ngũ Hồ - 2 km (độ cao 1.250 m); tuyến 4 đường mòn "khám phá thiên nhiên" - 3 km (độ cao 1.300 m); tuyến 5 đường lên Hải Vọng Đài - 3 km (độ cao 1.400 m).

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là sưu tầm vật mẫu, quan sát trong thiên nhiên và thu thập thông tin qua phỏng vấn. Khảo sát được tiến hành theo các tuyến cố định, mỗi tuyến từ 2-4 lần trong đợt và chủ yếu là ban đêm (từ 19-24 h). Mẫu vật được xử lý bằng hóa chất, định hình bằng phoocmôn 4-10%, sau đó bảo quản trong cồn 70°. Các thông tin khác được thu thập bằng máy quay video, máy ảnh, máy ghi âm... đều được lưu giữ để xử lý trong phòng thí nghiệm

**Bảng 1. Danh sách các loài ếch nhái (Amphibia) và bò sát (Reptilia) được ghi nhận ở VQG Bạch Mã (tháng 10/2003)**

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Tư liệu	Mật độ	Tình trạng bảo tồn
	<b>Amphibia</b>	<b>Lớp Ếch nhái</b>			
	<b>Anura</b>	<b>Bộ không đuôi</b>			
	<b>1. Megophryidae</b>	<b>Họ Cóc bùn</b>			
1.	<i>Leptobrachium chapaense</i> (Bourret, 1937)	Cóc mây sapa*	M	+++	
2.	<i>Leptolalax</i> sp.	Cóc mây	M	+	
3.	<i>Megophrys lateralis</i> (Anderson, 1871)	Cóc mắt bên*	M	++	
4.	<i>Ophryophryne poilani</i> Bourret, 1937	Cóc núi poa loan*	M	+++	
	<b>2. Bufonidae</b>	<b>Họ Cóc</b>			
5.	<i>Bufo galeatus</i> Gunther, 1864	Cóc rừng*	M	+	VU
6.	<i>Bufo melanostictus</i> Schneider, 1799	Cóc nhà	M	+	
	<b>3. Ranidae</b>	<b>Họ Ếch nhái</b>			
7.	<i>Amolops cremnobatus</i> Inger and Cottelat, 1998	Ếch bám đá nhỏ*	M	+++	
8.	<i>Amolops</i> sp.	Ếch bám đá	M	+	
9.	<i>Limnionectes kuhlii</i> (Tschudi, 1838)	Ếch nhèo	M	++	
10.	<i>Paa verrucospinosa</i> (Bourret, 1937)	Ếch gai sần	M	++	NT, ĐHVN
11.	<i>Paa yunnanensis</i> (Anderson, 1878)	Ếch gai vân nam*	M	++	EN

12.	<i>Rana andersoni</i> Boulenger, 1882	Chàng an đec sơn	M	++	VU
13.	<i>Rana attigua</i> Inger, Orlov & Darevsky, 1999	Ếch atigua*	M	++	VU, ĐHVN
14.	<i>Rana guentheri</i> Boulenger, 1882	Chẫu	M	+	
15.	<i>Rana khalam</i> Stuart, Orlov and Chan-ard, 2005	Ếch tabu*	M	+	
16.	<i>Rana livida</i> (Blyth, 1855)	Ếch xanh*	M	+++	
17.	<i>Rana milleti</i> Smith, 1921	Chàng mi le*	M	++	ĐHVN
	<b>4. Rhacophoridae</b>	<b>Họ Ếch cây</b>			
18.	<i>Philautus banaensis</i> Bourret, 1939	Nhái cây bà nà	M	++	ĐHVN
19.	<i>Philautus</i> sp.	Nhái cây	M	+	
20.	<i>Philautus supercornutus</i> Orlov, Ho and Nguyen, 2004	Nhái cây sừng*	M	+	ĐHVN
21.	<i>Polypedates leucomystax</i> (Gravenhorst, 1829)	Chẫu chàng mép trắng	M	+	
22.	<i>Rhacophorus annamensis</i> Smith, 1924	Ếch cây trung bộ*	M	+	VU, ĐHVN
23.	<i>Rhacophorus calcaneus</i> Smith, 1924	Ếch cây cựa*	M	+	NT
24.	<i>Theloderma</i> sp.	Ếch cây sần*	t.kêu	+	
	<b>5. Microhylidae</b>	<b>Họ Nhái bầu</b>			
25.	<i>Microhyla annamensis</i> Smith, 1923	Nhái bầu trung bộ*	M	+++	
	<b>Reptilia</b>	<b>Lớp bò sát</b>			
	<b>Squamata</b>	<b>Bộ Có vảy</b>			
	<b>1. Gekkonidae</b>	<b>Họ Tắc kè</b>			
1.	<i>Cyrtodactylus irregularis</i> (Smith, 1921)	Thạch sùng ngón vằn lưng*	M	+++	ĐHVN
2.	<i>Gehyra mutilata</i> (Wiegmann, 1834)	Thạch sùng cụt*	M	++	
	<b>2. Agamidae</b>	<b>Họ Nhông</b>			
3.	<i>Acanthosaura capra</i> Gunther, 1861	Ô rô capra	M	++	
4.	<i>Acanthosaura lepidogaster</i> (Cuvier, 1829)	Ô rô vảy	M	+	
5.	<i>Calotes</i> sp.	Nhông	M	+	
6.	<i>Pseudocalotes brevipes</i> (Werner, 1904)	Nhông brevipes*	M	+	
7.	<i>Physignathus cocincinus</i> Cuvier, 1829	Rồng đất	M	+	VU
	<b>3. Lacertidae</b>	<b>Họ Thằn lằn thực</b>			
8.	<i>Takydromus hani</i> Chou, Truong and Pauwels, 2001	Liu diu xanh*	M	+	ĐHVN
	<b>4. Colubridae</b>	<b>Họ Rắn nước</b>			
9.	<i>Amphiesma boulengeri</i> (Gressitt, 1931)	Rắn sãi bôlen*	M	+	
10.	<i>Pareas hamptoni</i> (Boulenger, 1905)	Rắn hổ mây hamtôn	M	+	

11.	<i>Pseudoxenodon sp.</i>	Rắn hổ xiên	M	+	
	<b>5. Elapidae</b>	<b>Họ Rắn hổ</b>			
12.	<i>Bungarus candidus</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn cạp nia nam	M	+	IIB
13.	<i>Bungarus multicinctus</i> Blyth, 1861	Rắn cạp nia bắc*	M	+	IIB
	<b>6. Viperidae</b>	<b>Họ Rắn lục</b>			
14.	<i>Trimeresurus stejnegeri</i> Schmidt, 1925	Rắn lục xanh	M	++	IIB
15.	<i>Ovophis monticola convictus</i> (Stoliczka, 1870)	Rắn lục núi*	M	+	IIB

*Ghi chú:*

Tư liệu: M = Thu mẫu (gần 100% số loài có mẫu tại điểm nghiên cứu trừ *Theloderma*: nghe tiếng kêu)

Mật độ: (+) = thấp; (++) = trung bình; (+++) = cao

Nghị định 48/2002/NĐCP: IB, IIB = các nhóm ghi trong nghị định

Sách Đỏ Việt Nam 2000 và Danh lục Đỏ IUCN/2004: EN = nguy cấp; VU = sẽ nguy cấp;

NT = sắp bị đe dọa

ĐHVN = loài đặc hữu của Việt Nam

Loài có dấu "\*": loài mới bổ sung cho VQG Bạch Mã

## KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### Về thành phần loài

Với hơn 60 mẫu thu thập trên thực địa, chúng tôi đã thống kê được 25 loài ếch nhái thuộc 5 họ, 1 bộ và 15 loài bò sát thuộc 6 họ và 2 bộ (Bảng 1). Tuy tổng số loài ghi nhận đợt này (40 loài) chỉ bằng 81,63% số loài đã biết, nhưng có 22 loài là mới (loài có dấu"\*"), lần đầu tiên được ghi nhận cho khu vực này. Kết quả này đã đưa tổng số loài ếch nhái bò sát của VQG Bạch Mã từ 49 lên 71 loài.

Có 4 loài chưa định được tên (có thể là loài mới) gồm Cóc mây *Leptolalax sp.*, Ếch bóm đá *Amolops sp.*, Nhái cây *Philautus sp.*, Nhông *Calotes sp.* Có 2 loài mới cho khoa học vừa được công bố năm 2004 và 2005 dựa trên kết quả của đợt nghiên cứu tại VQG Bạch Mã và một số khu vực khác gồm: Nhái cây sừng *Philautus supercornutus* Orlov, Ho and Nguyen, 2004 và loài Ếch tabu *Rana khalam* Stuart, Orlov and Chan-ard, 2005.

Có 3 loài khác, mới được công bố vài năm gần đây cũng được ghi nhận tại khu vực này: Ếch bóm đá nhỏ *Amolops cremnobatus* (1998), Ếch atigua *Rana attigua* (1999), Liu điu xanh *Takydromus hani* (2002). Những phát hiện trên ngoài việc đã mở rộng thêm vùng phân bố của các loài (nhất là những loài mới) còn minh chứng cho mức độ đa dạng rất cao của khu vực này.

Là vùng chuyển tiếp về mặt khí hậu giữa hai miền Bắc, Nam nên sự có mặt của nhiều

loài ENBS đặc trưng cho từng miền cũng thể hiện sự đa dạng về thành phần loài. Khu vực VQG Bạch Mã là ranh giới cực Nam của nhiều loài chỉ phân bố ở phía Bắc như: Cóc mây sapa, Rắn cạp nia Bắc,Ếch gai Vân Nam và là ranh giới cực Bắc của nhiều loài chỉ gặp ở phía Nam và Tây Nguyên như:Ếch cây trung bộ, Ô rô capra, rắn cạp nia Nam. Cũng tại đây, rất nhiều loài đặc trưng cho khu hệ phía Bắc như: Cóc mắt bên,Ếch gai sần,Ếch xanh, Rắn lục xanh, Rắn lục núi..., cũng như nhiều loài đặc trưng cho khu hệ phía Nam như:Ếch atigua,Ếch cây cựa, Thạch sùng ngón vằn lưng, Ô rô capra... cũng được ghi nhận. Điều này cho thấy VQG Bạch Mã nằm trong vùng chuyển tiếp giữa khu hệ ENBS phía Bắc và Nam nước ta nên mức độ đa dạng cao của nó là điều dễ hiểu.

### **Về mật độ**

Đợt khảo sát rơi đúng vào đầu mùa mưa, là mùa sinh sản của một số ít loài (17,9% tổng số loài) mà chúng tôi chưa bao giờ gặp với mật độ cao như ở đây. Trong số này có loài Nhái cây bà nà *P. banaensis* là loài đặc hữu của Việt Nam, loài hiếm gặp, có phân bố hẹp; loài Cóc mây Sapa *L. chapaense* phân bố ở phía Bắc, có ranh giới cực Nam ở khu vực này, nhưng mật độ lại khá cao; Nhái bầu Trung Bộ *M. annamensis* với mật độ dày đặc của các cá thể đực ở các vũng nước đọng. Phần lớn các loài khác (53,8% tổng số loài) chỉ gặp với mật độ thấp.

### **Các loài quý hiếm**

Trong số 40 loài được ghi nhận đợt này, có 17 loài (chiếm 42,5%) quý hiếm theo các cấp độ khác nhau (Bảng 1). Có 4 loài thuộc nhóm IIB (hạn chế khai thác sử dụng) trong Nghị định 48/2002/NĐ-CP gồm: Rắn cạp nia Nam, Rắn cạp nia Bắc, Rắn lục xanh, Rắn lục núi. Có 3 loài ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2000) bậc VU (Cóc rừng, Chàng an đec sơn, Rồng đất). Có 5 loài được ghi trong Danh lục Đỏ (IUCN/2004) gồm 1 loài bậc EN (Ếch gai Vân Nam), 2 loài bậc VU (Ếch atigua,Ếch cây Trung Bộ) và 2 loài bậc NT (Ếch gai sần,Ếch cây cựa).

Có 8 loài (1/5 tổng số loài đợt này) là loài đặc hữu của Việt Nam gồm:Ếch gai sần, Chàng mi le, Nhái cây bà nà,Ếch cây Trung Bộ, Thạch sùng ngón vằn lưng và 3 loài mới gồm: ếch atigua, Nhái cây sùng và Liu điu xanh.

### **KẾT LUẬN**

Đã ghi nhận được sự có mặt của 25 loài ếch nhái thuộc 5 họ, 1 bộ và 15 loài bò sát thuộc 6 họ và 2 bộ cho VQG Bạch Mã, bổ sung thêm 22 loài mới, chưa được ghi nhận trước đây. Kết quả này đã đưa tổng số loài BSEN của VQG Bạch Mã từ 49 loài lên 71 loài.

Hai loài mới cho khoa học gồm: Nhái cây sừng *Philautus supercornutus* và loài Ếch tabu *Rana khalam* đã được công bố trên cơ sở các số liệu thu được của chúng tôi tại VQG Bạch Mã.

Có 17 loài được coi là quý hiếm ở các cấp độ khác nhau, 8 loài là đặc hữu của Việt Nam được ghi nhận ở VQG Bạch Mã.

Vườn Quốc gia Bạch Mã nằm trong vùng chuyển tiếp giữa khu hệ ENBS phía Bắc và Nam nước ta, nó nằm trên ranh giới và là nơi giao lưu của nhiều loài ENBS đặc trưng cho khu hệ phía Bắc cũng như phía Nam. Đây quả thật là khu vực có sự đa dạng hiếm thấy và rất độc đáo về thành phần loài ENBS.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Văn Kéo, 2001. Vườn Quốc gia Bạch Mã (Bach Ma National Park). NXB Thuận Hóa, Huế : .1 tr.
2. Inger R. F., Kottelat M., 1998: A New Species of Ranid from Laos. Bull. zool., 46 (1): 29-34.
3. Inger R. F., Orlov N. L., and Darevsky I. S., 1999. "Frog of Vietnam: A Report on New Collections". Fieldiana. Zool. New Ser., 92: 1-46.
4. Lê Vũ Khôi, 2000. Đa dạng sinh học động vật có xương sống trên cạn ở Ba Na (Quảng Nam - Đà Nẵng). Tạp chí Sinh học, 22 (15) CĐ: 154-164.
5. Lê Vũ Khôi và cộng sự, 2002. Kết quả bước đầu khảo sát thành phần loài ếch nhái của khu vực Bà Nà (Hòa Vang, Đà Nẵng). Tạp chí Sinh học, 24 (2A): 47-51.
6. Ngô Đắc Chứng, 1995. Bước đầu nghiên cứu thành phần loài của ếch nhái và bò sát ở VQG Bạch Mã. Tuyển tập các công trình nghiên cứu của hội thảo "Đa dạng sinh học Bắc Trường Sơn" (lần thứ nhất). NXB KH&KT, Hà Nội: 86-914.
7. Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc và Nguyễn Quảng Trường, 2005. Danh lục các loài ếch nhái, bò sát Việt Nam. NXB Nông nghiệp, Hà Nội: 180 tr.
8. Orlov N. L., Ho T. C. and Nguyen Q. T., 2004. A New Species of the Genus *Philautus* from Central Vietnam (Anura: Rhacophoridae), Russ. J. Herpetol., 11 (1): 51-64
9. Stuart B. L., Orlov N. L. and Chan-ard T., 2005. A New Cascade Frog (Amphibia: Ranidae) from Laos and Vietnam. The raff. bull. Zoo. 53(1): 15-131
10. Viện Điều tra Quy hoạch Rừng, 1990. Luận chứng kinh tế kỹ thuật VQG Bạch Mã (tỉnh

Thừa Thiên - Huế): 47tr.

11. Wen-Hao Chu, Nguyen Quang Truong and Olivier S. G. Pauwels, 2001. A New Species of *Takydromus* (Reptilia: Lacertidae) from Vietnam. *Herpetologica*, 57(4): 497-508.

**SOME NEW DATA ON SPECIES COMPOSITION OF AMPHIBIANS  
AND REPTILES FROM BACH MA NATIONAL PARK,  
THUA THIEN-HUE PROVINCE**

**HO THU CUC,**

*Institute of Ecology and Biological Resources, VAST*

**NIKOLAI ORLOV**

*Institute of Zoology of Saint Petersburg, Russia*

A survey on herpetofauna was conducted in Bach Ma National Park during period from 4 to 14 October 2003. Based on the result of this survey, 15 species of reptiles belonging to 6 families, 2 order and 25 species of amphibians belonging to 5 families, and 1 order were recorded in this area. The survey found 22 new species that increase the total number of species from 49 to 71.

There are 2 new species were described based on the collected materials of this survey, including Horned bubble-nest frog (*Philautus supercornutus*) and Taboo frog (*Rana khalam*).

There are 17 threatened species including 4 species listed in the Governmental Decree No 48/2002/ND-CP (2002), 3 species listed in Red Data Book of Vietnam (2000) and 5 species listed in IUCN Red List (2004). Eight species are endemic in Vietnam.